

Số: **91** /BC - SYT

Lào Cai, ngày **18** tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý I năm 2019

Thực hiện kế hoạch công tác cải cách hành chính ngành y tế năm 2019, Sở Y tế báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính quý I năm 2019, cụ thể như sau:

I. Về tình hình, kết quả kiểm soát thủ tục hành chính

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính (TTHC)

Trong quý I năm 2019 Sở Y tế không có dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC nên Sở Y tế không tiến hành đánh giá tác động TTHC trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC trong lập đề nghị xây dựng và dự án, dự thảo VBQPPL

Trong quý Sở không nhận được văn bản xin ý kiến các dự thảo văn bản QPPL có quy định TTHC cũng như văn bản đề nghị tham gia thẩm định TTHC tại dự thảo VB QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh, nên không có ý kiến tham gia.

3. Công bố, công khai TTHC

Tổng số thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế là 162 TTHC; Trong đó TTHC cấp tỉnh: 160; cấp huyện 02.

Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở : 116; số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại các đơn vị trực thuộc sở là: 42; thực hiện tại cơ sở giáo dục: 04.

Toàn bộ các TTHC được công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tỉnh, của Sở Y tế và niêm yết tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành của Chính phủ và Bộ Y tế, trong quý Sở Y tế đã tiến hành rà soát lại toàn bộ danh sách bộ TTHC hiện đang áp dụng và đang trình UBND tỉnh công bố mới 05 TTHC và bãi bỏ 03 TTHC thuộc lĩnh vực Trang thiết bị y tế.

4. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong quý I: 330

Trong đó: - Hồ sơ đã giải quyết: 285

- Hồ sơ trả đúng hạn: 285 (=100%)

- Hồ sơ quá hạn: 0

- Đang giải quyết: 45

(có phụ biểu kèm theo)

5. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Trong quý Sở Y tế không nhận được ý kiến phản ánh nào của các tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục hành chính và quá trình giải quyết TTHC.

6. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

Tiến hành cắt giảm 30% thời gian giải quyết của 05 TTHC thuộc chức năng quản lý của Sở Y tế (theo danh sách TTHC đăng ký cắt giảm năm 2019). Kết quả trong quý đã có 32 hồ sơ giải quyết cắt giảm thời gian và tiết kiệm được 58.400.000đ)

Sở Y tế đã tiến hành rà soát các TTHC, qua rà soát Sở Y tế không thấy có vướng mắc, bất cập hoặc có ý kiến của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC nên Sở Y tế không tiến hành đánh giá tác động TTHC và không có kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL.

II. Đánh giá chung

Trong quý I năm 2019, công tác kiểm soát TTHC hành chính ở Sở Y tế đã được triển khai. Đây mạnh cải cách hành chính theo đúng Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP về kiểm soát thủ tục hành chính. Thực hiện tốt việc tiếp nhận giải quyết TTHC theo cơ chế “một cửa” tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến giải quyết TTHC, 100% số TTHC được giải quyết kịp thời đúng và trước hạn. Tiếp tục đẩy mạnh kiện toàn tổ chức bộ máy, sáp nhập một số đơn vị, tinh gọn giảm đầu mối các đơn vị trực thuộc; Tiếp tục triển khai “đường dây nóng” để tiếp nhận và giải quyết kịp thời các kiến nghị của công dân; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành.

III. Phương hướng nhiệm vụ của kỳ tiếp theo

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát nhằm thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC.

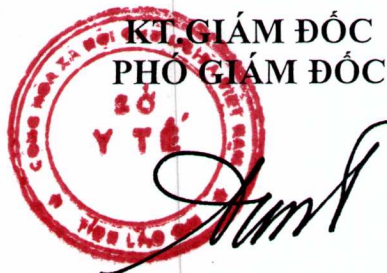
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, thống kê trình công bố TTHC do Bộ ban hành

- Chỉ đạo kiểm tra công tác kiểm soát TTHC ở một số phòng ban, đơn vị trực thuộc có thực hiện TTHC, kiểm tra quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm soát TTHC quý I năm 2019. Sở Y tế gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp báo cáo./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- (Phòng Kiểm soát TTHC);
- Lưu: VT, VP.



Trần Thị Minh

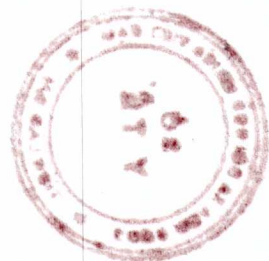
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
QUÝ I NĂM 2019 TỪ NGÀY 22/11/2018 ĐẾN NGÀY 12/3/2019**

(Kèm theo Báo cáo số 91 /BC-SYT ngày 18 tháng 3 năm 2019)



Lĩnh vực công
việc giải quyết
theo cấp

STT	Số hồ sơ nhận giải quyết	Kết quả giải quyết										Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Trong đó	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Đã giải quyết	Đang giải quyết					
			Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn			Đúng thời hạn	Quá thời hạn			
Tổng số	Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Tổng số	Đúng thời hạn	Quá thời hạn			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Khám, chữa bệnh	203	3	102	98	171	171	0	32	32	0	203	171	0	32
3	Dược - Mỹ phẩm	127	0	61	66	114	114	0	13	13	0	127	114	0	13
	Tổng cộng	330	3	163	164	285	285	0	45	45	0	330	285	0	45



BIỂU CHI PHÍ TIẾT KIỆM SAU KHI CẮT GIẢM 30% THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC (ĐỀ ÁN 1648)

Kèm theo Báo cáo số: **91** /BC-SYT ngày **18** tháng 3 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng



STT	Tên thủ tục hành chính	Số hồ sơ tiếp nhận từ ngày 22/11/2018 đến ngày 12/3/2019			Thời gian giải quyết TTHC (01 TTHC)			Chi phí tiết kiệm được (Cách tính = số thời gian tiết kiệm sau khi cắt giảm X 8 tiếng/ngày X số lượng TTHC X 25.000đ (mức thu nhập bình quân của 01 người, 01 giờ làm việc được tính theo số liệu được tính trên cơ sở các thông tin của Cục Thống kê tỉnh cung cấp trong năm 2017)	Ghi chú
		Tổng số	Hồ sơ giải quyết đảm bảo thời gian cắt giảm	Hồ sơ giải quyết chưa đảm bảo thời gian cắt giảm	Thời gian giải quyết theo quy định pháp luật 01 TTHC (ngày)	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 30% thời gian giải quyết 01 TTHC (ngày)	Thời gian tiết kiệm được sau khi cắt giảm 30% thời gian giải quyết 01 TTHC (ngày)		
I	Sở Y tế								
1	Cấp chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	5	5	0	20	14	6	6.000.000	
2	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1	1	0	30	21	9	1.800.000	
3	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ	1	1	0	10	7	3	600.000	

4	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	16	16	0	30	20	10	32.000.000
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	9	9	0	30	20	10	18.000.000
Cộng		32	32	0				58.400.000

